| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HỒNG NGỰ**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Lương Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985; Nơi thường trú: Ấp LH, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Chổ ở hiện nay: Ấp LTB, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985; Nơi thường trú: Ấp LH, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Chổ ở hiện nay: Ấp LTB, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 9 năm 2024 của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày: Chị và anh Trần Văn H kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký

kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H. Về nuôi con chung, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Thị An N, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020, không yêu cầu anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn H đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng abg từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Trần Văn H; về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị An N, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020 cho chị Nguyễn Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Ngọc T không có yêu cầu; về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc T trình bày tự thỏa thuận, còn anh Trần Văn H không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; về nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc T trình bày không có, còn anh Trần Văn H không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T đối với anh Trần Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Nguyễn Ngọc T thì cuộc sống của chị và anh H không còn hạnh phúc từ đầu năm 2024 do hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T và anh H hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc T ly hôn với anh Trần Văn H.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Ngọc T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Thị An N, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020, không yêu cầu anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nên để ổ định cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc T cho rằng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Trần Văn H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc T cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Trần Văn H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Ngọc T, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Trần Văn H.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Thị An N, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020.

2.2. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Ngọc T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014484 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã LKA, huyện HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lương Bằng**